

Số: *991* /SXD-QLXD

Hà Nam, ngày *12* tháng 6 năm 2017

**BÁO CÁO**  
**Tình hình hoạt động xây dựng**  
**trên địa bàn tỉnh Hà Nam 6 tháng đầu năm 2017**

Kính gửi:

- Cục Quản lý hoạt động xây dựng- Bộ Xây dựng;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Thực hiện Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính Phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. Sở Xây dựng Hà Nam báo cáo về tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2017 với những nội dung sau:

**1. Về quản lý đầu tư xây dựng:**

a) Tình hình chung về đầu tư xây dựng trên địa bàn:

- Công tác quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh được thực hiện cơ bản đảm bảo theo các quy định của pháp luật.
- Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực Xây dựng trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng cao. Các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ theo Chương trình công tác năm được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao đều đang thực hiện đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ quy định.

b) Các văn bản mới do địa phương ban hành để hướng dẫn công tác quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn:

- Đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và di chuyển mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh năm 2017 (*Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh*);
- Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc thành phố Phủ Lý (*Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND tỉnh*);
- Chỉ thị 13-CT/TU ngày 28/04/2017 của Tỉnh ủy Hà Nam về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác quản lý đầu tư - xây dựng các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh.
- Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 22/3/2017 về việc tăng cường công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh.

c) Những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các văn bản pháp quy về đầu tư xây dựng và kiến nghị:

- Đối với các văn bản mới ban hành, công tác hướng dẫn triển khai còn chậm dẫn đến khó khăn trong áp dụng, đặc biệt là ở các huyện, xã.
- Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng thường chỉ là tạm tính và trong quá trình thực hiện phát sinh nhiều, ảnh hưởng đến hiệu quả dự án đầu tư.
- Hồ sơ thiết kế, dự toán các công trình chất lượng còn thấp. Do đó, phải chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ dẫn đến kéo dài thời gian thẩm định và phê duyệt.
- Việc tuân thủ quy hoạch được duyệt chưa được thực hiện nghiêm, vẫn còn điều chỉnh, bổ sung quy hoạch.

## 2. Về cấp giấy phép xây dựng:

a) Tổng số công trình đã cấp: 436

Trong đó:

- Theo loại công trình:
  - + Cấp cho công trình: 17
  - + Cấp cho nhà ở riêng lẻ ở đô thị: 408
  - + Giấy phép xây dựng có thời hạn: 0
  - + Giấy phép xây dựng nhà ở nông thôn: 11
- Theo phân cấp :
  - + Sở Xây dựng: 16
  - + Quận, huyện: 420

b) Xử lý vi phạm:

- Xây dựng sai giấy phép xây dựng: 19 trường hợp.
- Xây dựng không có giấy phép: 45 trường hợp.

Trong đó:

- Phạt hành chính: 0 trường hợp.
- Cường chế phá dỡ: 01 trường hợp.

c) Thời gian thực hiện cấp giấy phép: Trung bình 07 (ngày)

d) Nhận xét đánh giá tình hình ban hành các văn bản về cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo Luật Xây dựng:

- Các văn bản về cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng đã Chính phủ, Bộ Xây dựng ban hành kịp thời và hướng dẫn cụ thể tạo thuận lợi cho công tác triển khai, tổ chức thực hiện. Đối với tỉnh Hà Nam, việc quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng, cấp giấy phép

xây dựng và quản lý trật tự xây dựng được thực hiện theo Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh.

- Việc cấp giấy phép xây dựng cho nhà ở nông thôn, nhà ở trên các tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ vẫn hạn chế, chậm vì người dân còn chưa có ý thức trong việc xin cấp giấy phép xây dựng. Công tác quản lý quy hoạch ở các xã, thị trấn còn chưa cao, nhiều xã, thị trấn còn buông lỏng trong việc quản lý quy hoạch và cấp phép xây dựng.

- Công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng địa phương với các Sở, ngành liên quan còn chưa được chủ động, chặt chẽ.

### **3. Về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng:**

a) Về chứng chỉ hành nghề của cá nhân tham gia hoạt động xây dựng:

Trong 6 tháng đầu năm 2017, Sở Xây dựng mới tổ chức thi sát hạch và chưa xét cấp chứng chỉ.

b) Về điều kiện năng lực của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng:

- Tổng số tổ chức tham gia hoạt động xây dựng đã được Sở Xây dựng đăng tải trên trang thông tin điện tử: 0 tổ chức.

- Tổng số tổ chức tham gia hoạt động xây dựng đã được Sở Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực: 0 tổ chức.

c) Nhận xét, đánh giá tình hình triển khai công tác cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định:

Công tác cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam 6 tháng đầu năm 2017 đã thực hiện theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng (*hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng*). Máy móc, trang thiết bị được bố trí tại Chi cục Giám định-Sở Xây dựng. Việc tổ chức thực hiện mới lần đầu nên còn nhiều khó khăn, trở ngại.

### **4. Về cấp giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài:**

a) Tổng số: 01 giấy phép.

Trong đó:

- Giấy phép thầu thi công: 01 giấy phép.

- Giấy phép thầu tư vấn: 0 giấy phép.

b) Thời gian thực hiện cấp giấy phép: Trung bình 05 (ngày)


**5. Tổng hợp số liệu về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đã thực hiện: (Có Bảng Phụ lục chi tiết kèm theo).**

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động xây dựng 6 tháng đầu năm 2017 trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Sở Xây dựng Hà Nam trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, QLXD.
- CV (M)-2017/264.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quang Huy**

Theo Phụ lục 02 của Bộ XD

Loại nguồn vốn: Ngân sách nhà nước

Số quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Dự án				Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)								
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)			Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi	Tổng số kế XD đã thẩm định	Tổng số BCKT-KT đã thẩm định	Số phải sửa đổi	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)				
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/ giảm (+/-)						Tỷ lệ %	Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/ giảm (+/-)	Tỷ lệ %
Sở Xây dựng	1	0	183.016,0	183.016,0	0	0	3	0	7	9	2	612.252,7	455.398,2	-156.854,5	25,6
Sở Giao thông vận tải	1	0	14.998,8	14.933,5	-65,3	0,44	0	0	1	0	0	1.598,2	1.435,6	-162,7	10,2
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0						0	0	1	0	0	9.462,0	9.381,6	-80,4	0,9
Sở Công thương	0						2	2	18	9	9	30.579,5	26.912,6	-3.666,8	12,0
UBND TP Phú Lý	0						0		57			63.944,9	55.194,6	-8.750,3	13,7
UBND huyện Kim Bảng	0						0		0	8	4	36.976,9	36.333,3	-643,6	1,7
UBND huyện Thanh Liêm	0						0		0	7	5	28.739,5	28.489,96	-249,6	0,9
UBND huyện Lý Nhân	0						0		0	4	2	17.163,5	16.376,5	-787,1	4,6
UBND huyện Bình Lục	0						0		0	0					
UBND huyện Duy Tiên	0						0		0	19	6	87.923,8	85.095,03	-2.828,7	3,2

Số quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Dự án				Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)								
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)			Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi	Tổng số thiết kế XD đã thẩm định	Tổng số BCKT-KT đã thẩm định	Số phải sửa đổi	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)				
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)						Tỷ lệ %	Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %
Sở Xây dựng	2	0	441.830,7	441.830,7	0	0	3	0	4	0	0	148.379,1	134.993,4	-13.385,7	9,0
Sở Giao thông vận tải	0					0		0	0						
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0					1		1	0	0	0	71.310,0	70.958,0	-352,0	0,5
Sở Công thương	0					3		3	1	6	2	45.729,6	41.278,3	-4.451,2	9,7
UBND TP Phú Lý	0					0		0		0					
UBND huyện Kim Bảng	0					0		0		0					
UBND huyện Thanh Liêm	0					0		0		0					
UBND huyện Lý Nhân	0					0		0		0					
UBND huyện Bình Lục	0					0		0		0					
UBND huyện Duy Tiên	0					0		0		0					

Loại nguồn vốn: Khác

Số quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Dự án				Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)								
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)			Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi	Tổng số thiết kế XD đã thẩm định	Tổng số BCKT-KT đã thẩm định	Số phải sửa đổi	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)				
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/ giảm (+/-)						Tỷ lệ %	Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/ giảm (+/-)	Tỷ lệ %
Sở Xây dựng	1	0	175.554,4	175.554,4	0	0	0	7	1	0	0	0	0		
Sở Giao thông vận tải	0				0		0	0	0						
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0				0		0	0	0						
Sở Công thương	0				0		0	15	0	06	0	0	0		
UBND TP Phủ Lý	0				0		0	0	0						
UBND huyện Kim Bảng	0				0		0	0	0						
UBND huyện Thanh Liêm	0				0		0	0	0						
UBND huyện Lý Nhân	0				0		0	0	0						
UBND huyện Bình Lục	0				0		0	0	0						
UBND huyện Duy Tiên	0				0		0	0	0						